

PHỤ LỤC I

QUY TẮC XUẤT XỨ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê)

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi của Phụ lục này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

- Nuôi trồng thủy hải sản** là việc nuôi trồng các sinh vật sống dưới nước bao gồm cá, động vật thân mềm, loài giáp xác, động vật không xương sống dưới nước khác và thực vật thủy sinh từ các loại con giống như trứng, cá hồi hai năm tuổi, cá hồi nhỏ và ấu trùng bằng cách can thiệp vào các quá trình nuôi trồng hoặc tăng trưởng nhằm thúc đẩy sinh sản như nuôi cấy, cho ăn, hoặc bảo vệ khỏi các động vật ăn thịt;
- CIF** là trị giá hàng hóa nhập khẩu đã bao gồm cả cước vận tải và phí bảo hiểm tính đến cảng hoặc cửa khẩu của nước nhập khẩu;
- FOB** là trị giá hàng hóa đã giao qua mạn tàu, bao gồm phí vận tải đến cảng hoặc địa điểm cuối cùng trước khi tàu chở hàng rời bến;
- Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi** là những nguyên tắc đã được nhất trí thừa nhận hoặc áp dụng tại một Nước thành viên về việc ghi chép các khoản doanh thu, chi phí, phụ phí, tài sản và các khoản phải trả; truy xuất thông tin; và việc lập các báo cáo tài chính. Những nguyên tắc này có thể bao gồm các hướng dẫn chung cũng như các tiêu chuẩn, thông lệ và thủ tục thực hiện cụ thể;
- Hàng hóa** bao gồm nguyên vật liệu hoặc sản phẩm, có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại một Nước thành viên, kể cả những sản phẩm có thể sẽ được sử dụng làm nguyên vật liệu cho một quá trình sản xuất khác sau này;
- Nguyên vật liệu giống nhau và có thể dùng thay thế lẫn nhau** là những nguyên vật liệu cùng loại có chất lượng như nhau, có cùng đặc tính vật lý và kỹ thuật, và một khi các nguyên vật liệu này được kết hợp lại để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh thì không thể chỉ ra sự khác biệt về xuất xứ thông qua các dấu hiệu hoặc thông qua việc quan sát;
- Tổ chức cấp C/O** là cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm cấp C/O:
 - Đối với Chi Lê: là Tổng cục Kinh tế Quốc tế. Cơ quan này có thể ủy quyền cho các tổ chức khác cấp C/O (Mẫu VC); và
 - Đối với Việt Nam: là Bộ Công Thương.
- Nguyên vật liệu** bao gồm hàng hóa hoặc các vật chất được sử dụng hoặc tiêu tốn trong quá trình sản xuất hàng hóa hoặc được kết hợp với nhau thành một hàng hóa khác hoặc tham gia vào một công đoạn trong toàn bộ quá trình sản xuất ra hàng hóa khác;
- Hàng hóa có xuất xứ** là hàng hóa đáp ứng các quy định về xuất xứ của Phụ lục này;
- Vật liệu đóng gói và bao gói để vận chuyển** là hàng hóa được sử dụng để bảo vệ hàng hóa trong quá trình vận chuyển hàng hóa đó mà không phải là vật liệu đóng gói và bao gói chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ;
- Sản xuất** là các phương thức để thu được hàng hóa bao gồm trồng trọt, khai thác, thu hoạch, chăn nuôi, gây giống, chiết xuất, thu lượm, thu nhặt, săn bắt, đánh bắt, đánh bẫy, săn bắn, chế tạo, sản xuất, gia công hay lắp ráp; và
- Quy tắc cụ thể mặt hàng** là quy tắc yêu cầu nguyên vật liệu phải trải qua quá trình thay đổi mã số hàng hóa hoặc phải đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực hoặc kết hợp giữa các tiêu chí nêu trên.

Điều 2. Tiêu chí xuất xứ

Để áp dụng trong phạm vi của Phụ lục này, hàng hóa được coi là có xuất xứ của một Nước thành viên khi:

- Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại Nước thành viên đó như định nghĩa tại Điều 3; hoặc

2. Không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại Nước thành viên đó, nhưng đáp ứng các quy định tại Điều 4 hoặc Điều 6; hoặc

3. Được sản xuất toàn bộ tại Nước thành viên đó từ những nguyên liệu có xuất xứ của các Nước thành viên.

và hàng hóa đó đáp ứng tất cả các quy định khác của Phụ lục này.

Điều 3. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Hàng hóa quy định tại khoản 1, Điều 2 được coi là có xuất xứ thuần túy hoặc được coi là sản xuất toàn bộ tại một Nước thành viên trong các trường hợp sau:

1. Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng bao gồm quả, hoa, rau, cây, tảo biển, nấm và các loại cây trồng khác được trồng và thu hoạch, hái hoặc thu lượm tại Nước thành viên đó;

2. Động vật sống bao gồm động vật có vú, chim, cá, loài giáp xác, động vật thân mềm, loài bò sát, vi khuẩn và virút, được sinh ra và nuôi dưỡng tại Nước thành viên đó;

3. Các hàng hóa thu được từ động vật sống được nêu tại khoản 2 của Điều này tại Nước thành viên đó;

4. Hàng hóa thu được từ săn bắn, đánh bẫy, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, thu lượm hoặc săn bắt tại Nước thành viên đó;

5. Khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên khác chưa được liệt kê từ khoản 1 đến khoản 4 của Điều này, được chiết xuất hoặc lấy ra từ đất, vùng lãnh hải, đáy biển hoặc dưới đáy biển của Nước thành viên đó;

6. Các sản phẩm được khai thác từ vùng lãnh hải, đáy biển hoặc dưới đáy biển ngoài vùng lãnh hải của Nước thành viên đó, với điều kiện là Nước thành viên đó có quyền khai thác vùng lãnh hải, đáy biển và dưới đáy biển đó theo luật quốc tế;

7. Sản phẩm đánh bắt và các sản phẩm từ biển khác đánh bắt từ vùng biển cả bằng tàu được đăng ký tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó;

8. Sản phẩm được chế biến và/hoặc được sản xuất ngay trên tàu chế biến được đăng ký tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó, trừ các sản phẩm được quy định tại khoản 6 và khoản 7 của Điều này;

9. Các vật phẩm thu nhặt tại Nước thành viên đó nhưng không còn thực hiện được những chức năng ban đầu hoặc cũng không thể sửa chữa hay khôi phục được và chỉ có thể vứt bỏ hoặc dùng để thu lại các phụ tùng dùng làm các nguyên vật liệu, hoặc sử dụng vào mục đích tái chế;

10. Phế thải và phế liệu có nguồn gốc từ:

a) Quá trình sản xuất tại Nước thành viên đó; hoặc

b) Hàng hóa đã qua sử dụng được thu nhặt tại Nước thành viên xuất khẩu đó, với điều kiện hàng hóa đó chỉ phù hợp làm nguyên vật liệu thô; và

11. Hàng hóa thu được hoặc được sản xuất tại Nước thành viên xuất khẩu đó từ các sản phẩm được quy định từ khoản 1 đến khoản 10 của Điều này.

Điều 4. Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy

1. Để áp dụng cho khoản 2, Điều 2, hàng hóa được coi là có xuất xứ tại một Nước thành viên nơi đã diễn ra quá trình sản xuất hoặc gia công nếu:

a) Hàng hóa có hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không dưới bốn mươi phần trăm (40%), tính theo công thức quy định tại Điều 5; hoặc

b) Tất cả nguyên vật liệu không có xuất xứ sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đó trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa (dưới đây được gọi là "CTC") ở cấp bốn (4) số (có nghĩa là thay đổi nhóm) của Hệ thống Hải hòa.

2. Mỗi Nước thành viên cho phép người xuất khẩu sử dụng một trong hai tiêu chí quy định tại điểm a, khoản 1 hoặc điểm b, khoản 1 của Điều này để xác định xuất xứ hàng hóa.

3. Không xét đến khoản 1 của Điều này, hàng hóa được coi là hàng hóa có xuất xứ nếu đáp ứng quy tắc cụ thể mặt hàng tương ứng cho mặt hàng đó quy định tại Phụ lục II.

4. Khi quy tắc cụ thể mặt hàng cho phép lựa chọn giữa các tiêu chí RVC, CTC, hoặc kết hợp giữa các tiêu chí nêu trên, mỗi Nước thành viên cho phép người xuất khẩu tự lựa chọn tiêu chí thích hợp.
5. Khi quy tắc cụ thể mặt hàng quy định tiêu chí CTC, tiêu chí này chỉ áp dụng đối với nguyên vật liệu không có xuất xứ.

Điều 5. Công thức tính RVC

1. RVC nêu tại Điều 4 được tính toán theo công thức như sau:

$$RVC = \frac{\text{Trị giá FOB} - \text{Trị giá của nguyên vật liệu hoặc hàng hóa không có xuất xứ}}{\text{Trị giá FOB}} \times 100\%$$

2. Để tính toán RVC quy định tại khoản 1 của Điều này:

a) Trị giá nguyên vật liệu hoặc hàng hóa không có xuất xứ là:

- Giá CIF tại thời điểm nhập khẩu hoặc việc nhập khẩu có thể được chứng minh; hoặc
- Giá mua đầu tiên của các hàng hóa không xác định được xuất xứ tại lãnh thổ của Nước thành viên nơi diễn ra việc sản xuất hoặc chế biến.

b) Giá FOB là trị giá FOB của hàng hóa. Giá FOB này được xác định bằng cách cộng giá trị của các nguyên vật liệu, chi phí sản xuất, lợi nhuận và các chi phí khác.

Điều 6. Cộng gộp

Trừ khi có những quy định khác tại Phụ lục này, hàng hóa có xuất xứ của một Nước thành viên, được sử dụng làm nguyên vật liệu tại một Nước thành viên khác để sản xuất ra một hàng hóa đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế quan, sẽ được coi là có xuất xứ của Nước thành viên nơi diễn ra quá trình sản xuất hoặc chế biến hàng hóa đó.

Điều 7. Những công đoạn gia công, chế biến đơn giản

Những công đoạn gia công chế biến dưới đây, khi được thực hiện riêng rẽ hoặc kết hợp với nhau, không tạo ra xuất xứ của hàng hóa:

1. Những công đoạn bảo quản để đảm bảo hàng hóa trong điều kiện tốt trong quá trình vận chuyển và lưu kho như làm khô, làm lạnh, thông gió, làm đông và những hoạt động tương tự;
2. Sàng hoặc lọc, phân loại, rửa, cắt, tách, uốn cong, cuộn, làm thẳng, mài sắc, xay đơn giản, cắt mỏng;
3. Làm sạch, bao gồm việc loại bỏ ôxit, dầu, sơn hoặc các chất phủ bề mặt khác;
4. Sơn và các hoạt động đánh bóng;
5. Thử nghiệm hoặc định cỡ;
6. Cho vào trong chai, lon, khuôn, túi, hộp hoặc gắn lên thẻ hoặc bảng và các công đoạn đóng gói đơn giản khác;
7. Trộn đơn giản¹ các sản phẩm, cùng loại hay khác loại;
8. Lắp ráp đơn giản² các bộ phận của sản phẩm để tạo nên một sản phẩm hoàn chỉnh;
9. Thay đổi bao bì, tháo dỡ hoặc đóng gói lại, chia nhỏ và lắp ghép các kiện hàng;
10. Dán nhãn, mác hoặc các dấu hiệu phân biệt tương tự lên sản phẩm hoặc lên bao bì;

¹ “Trộn đơn giản” thường được mô tả là hoạt động không cần tới kỹ năng đặc biệt, máy móc, thiết bị đặc biệt được đặc biệt sản xuất hoặc lắp đặt để tiến hành hoạt động. Tuy nhiên, trộn đơn giản không bao gồm phản ứng hóa học, phản ứng hóa học là một quy trình (bao gồm quy trình sinh hóa) dẫn tới việc sinh ra một nguyên tử có cấu trúc mới bằng việc phá vỡ các liên kết nội nguyên tử và tạo nên các liên kết nội nguyên tử mới, hoặc bằng việc thay đổi mạng không gian nguyên tử

² “Lắp ráp đơn giản” thường được mô tả là hoạt động không cần tới kỹ năng đặc biệt, máy móc, thiết bị đặc biệt được đặc biệt sản xuất hoặc lắp đặt để tiến hành hoạt động

11. Hòa tan trong nước hoặc chất khác mà không làm thay đổi đặc tính của sản phẩm; và
12. Bóc vỏ, tẩy trắng toàn phần hoặc một phần, đánh bóng và mài ngũ cốc và gạo.

Điều 8. Vận chuyển trực tiếp

1. Hàng hóa có xuất xứ được coi là vận chuyển trực tiếp từ Nước thành viên xuất khẩu tới Nước thành viên nhập khẩu nếu:

a) Hàng hóa được vận chuyển mà không đi qua lãnh thổ của bất kỳ một Nước thành viên nào khác; hoặc

b) Hàng hóa được vận chuyển đi qua một nước không phải là Nước thành viên mà có hoặc không có chuyển tàu hoặc lưu kho tạm thời ở nước không phải là Nước thành viên đó với điều kiện:

b1) Việc quá cảnh là cần thiết vì lý do địa lý hoặc do các yêu cầu có liên quan trực tiếp đến vận tải;

b2) Hàng hóa không tham gia vào giao dịch thương mại hoặc tiêu thụ tại nước quá cảnh đó; và

b3) Hàng hóa không trải qua bất kỳ công đoạn nào khác ở nước không phải là Nước thành viên đó ngoài việc dỡ hàng, bốc lại hàng và tách lô hàng hoặc những công đoạn cần thiết để giữ hàng hóa trong điều kiện tốt.

2. Trong trường hợp hàng hóa có xuất xứ của Nước thành viên xuất khẩu được nhập khẩu thông qua một hoặc nhiều nước không phải là Nước thành viên hoặc sau khi được triển lãm ở nước không phải là Nước thành viên, cơ quan hải quan của Nước thành viên nhập khẩu có thể yêu cầu người nhập khẩu đề nghị được hưởng ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa đó nộp các chứng từ chứng minh khác như chứng từ vận tải, hải quan hoặc các chứng từ khác.

Điều 9. Tỷ lệ không đáng kể nguyên vật liệu không đáp ứng tiêu chí CTC (*De Minimis*)

Hàng hóa không đáp ứng tiêu chí CTC vẫn được coi là hàng hóa có xuất xứ nếu phần trị giá của nguyên vật liệu không có xuất xứ sử dụng để sản xuất ra hàng hóa không đạt tiêu chí CTC nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm (10%) trị giá FOB của hàng hóa, đồng thời hàng hóa phải đáp ứng các quy định khác của Phụ lục này.

Điều 10. Quy định về bao bì và vật liệu đóng gói

1. Trường hợp áp dụng tiêu chí RVC như quy định tại Điều 4, trị giá của vật liệu đóng gói và bao bì để bán lẻ được tính đến khi xác định xuất xứ của hàng hóa, tùy từng trường hợp, với điều kiện vật liệu đóng gói và bao bì để bán lẻ là một cấu thành của hàng hóa.

2. Trường hợp áp dụng tiêu chí CTC như quy định tại Điều 4, vật liệu đóng gói và bao bì để bán lẻ, khi được phân loại cùng với hàng hóa đóng gói sẽ được loại trừ khi xác định xuất xứ hàng hóa.

3. Bao gói và vật liệu đóng gói dùng để vận chuyển hàng hóa sẽ không được xem xét khi xác định xuất xứ của hàng hóa đó.

Điều 11. Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ

1. Trường hợp xác định xuất xứ hàng hóa theo tiêu chí CTC, xuất xứ của các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác đi kèm theo hàng hóa đó sẽ không được tính khi xác định xuất xứ hàng hóa, với điều kiện:

a) Các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin không thuộc một hóa đơn khác với hóa đơn của hàng hóa đó; và

b) Số lượng và trị giá của các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin phù hợp với hàng hóa đó.

2. Trường hợp xác định xuất xứ hàng hóa theo tiêu chí RVC, trị giá của các phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ và các tài liệu hướng dẫn hoặc tài liệu mang tính thông tin khác đi kèm theo hàng hóa đó sẽ được tính là giá trị của nguyên vật liệu có xuất xứ hoặc không có xuất xứ, tùy từng trường hợp.

Điều 12. Nguyên liệu gián tiếp

1. Các nguyên liệu gián tiếp sẽ được coi là nguyên liệu có xuất xứ bất kể chúng được sản xuất ở đâu.

2. Các nguyên liệu gián tiếp có nghĩa là hàng hóa sử dụng trong quá trình sản xuất, thử nghiệm, hoặc kiểm tra hàng hóa khác không còn nằm lại trong hàng hóa đó, hoặc một hàng hóa sử dụng để bảo

dưỡng các nhà xưởng hoặc sử dụng trong quá trình vận hành những thiết bị dùng trong sản xuất hàng hóa bao gồm:

- a) Nhiên liệu và năng lượng;
- b) Dụng cụ, khuôn rập và khuôn đúc;
- c) Phụ tùng và vật liệu dùng để bảo dưỡng thiết bị và nhà xưởng;
- d) Dầu nhờn, chất bôi trơn, hợp chất và các nguyên vật liệu khác dùng trong sản xuất hoặc dùng để vận hành thiết bị và nhà xưởng;
- đ) Găng tay, kính, giày dép, quần áo, các thiết bị an toàn;
- e) Các thiết bị, dụng cụ và máy móc dùng để thử nghiệm hoặc kiểm tra hàng hóa;
- g) Chất xúc tác và dung môi; và
- h) Bất kỳ nguyên vật liệu nào khác không còn nằm lại trong hàng hóa nhưng việc sử dụng chúng phải chứng minh được là cần thiết trong quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

Điều 13. Nguyên vật liệu giống nhau và có thể thay thế nhau

1. Việc xác định các nguyên vật liệu giống nhau và có thể thay thế cho nhau có là nguyên vật liệu có xuất xứ hay không được thực hiện bằng cách chia tách thực tế từng nguyên vật liệu đó hoặc áp dụng các nguyên tắc kế toán về quản lý kho được áp dụng rộng rãi, hoặc các thông lệ quản lý kho tại Nước thành viên xuất khẩu.
2. Khi đã quyết định sử dụng một phương pháp kế toán về quản lý kho nào thì phương pháp này phải được sử dụng suốt trong năm tài chính đó.

Điều 14. C/O

Để được hưởng ưu đãi về thuế quan, hàng hóa phải có C/O (Mẫu VC) như mẫu quy định tại các Phụ lục IV-A (đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam) và Phụ lục IV-B (đối với hàng xuất khẩu của Chi Lê) do tổ chức có thẩm quyền của Chính phủ được Nước thành viên xuất khẩu chỉ định cấp và thông báo tới Nước thành viên còn lại theo các quy định nêu tại Phụ lục III./.